

## BÀI 11

### CÂU GHÉP

#### I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được đặc điểm của câu ghép.
- Nắm được hai cách nối các vế câu trong câu ghép.

#### II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý (dùng chung cho cả ba tiết)

1. Câu ghép là hiện tượng khá phức tạp về mặt lí thuyết. Đây là nơi có nhiều ý kiến khác nhau, khác nhau trong cách hiểu, khác nhau trong cách phân loại.

Giải pháp được chọn trong SGK nhằm vào sự tiện dụng và hữu ích. Theo đó, sách chỉ hạn chế trong những hiện tượng cụ thể sau đây :

- Chỉ chọn những câu ghép có hai cụm chủ – vị đầy đủ và hai cụm chủ – vị này nằm ngoài nhau (không bao nhau).

– Chọn những quan hệ từ nối các vế câu thường gặp nhất, tìm hiểu kiểu quan hệ mà chúng có thể diễn đạt.

SGK không đặt ra vấn đề phân loại câu ghép và cũng không nói đến hiện tượng tỉnh lược các bộ phận trong vế của câu ghép vì những vấn đề này là những vấn đề gây nhiều tranh luận nhất. Như vậy, giải pháp của SGK là cố gắng tránh những hiện tượng khó tìm được tiếng nói chung, chứ không phải cách quan niệm về câu ghép của sách chỉ giản đơn và hạn hẹp như nó được trình bày trong sách.

2. Việc tìm hiểu kiểu quan hệ giữa các vế của câu ghép do các quan hệ từ diễn đạt là hiện tượng có phần mới mẻ, nhưng lại rất cần thiết. Chính phần này làm cho các kiến thức về câu ghép của cấp học này được nâng lên so với những gì HS đã biết.

Một cách khái quát có thể ghi nhận như sau :

- Các kiểu quan hệ do các từ *vi, nếu, tuy, để* diễn đạt có tính ổn định cao nhất.
- Quan hệ từ *và* có khả năng diễn đạt quan hệ bổ sung, quan hệ thời gian (đồng thời và nối tiếp), quan hệ nguyên nhân.

3. Việc dạy câu ghép không lấy việc phân tích cấu trúc của câu ghép làm trọng mà quan tâm nhiều hơn đến việc sử dụng các phương tiện nối kết các vế câu. Đáng chú ý là việc dùng quan hệ từ này hay dùng quan hệ từ kia, hoặc không dùng quan hệ từ nối vế câu, đều có thể diễn đạt một kiểu quan hệ nào đó và có thể tạo nên những sắc thái ý nghĩa nhất định.

a) Các quan hệ từ chỉ quan hệ nguyên nhân thường khác nhau như sau :

- Quan hệ từ *vi* mang tính chất lí trí và trung hoà về sắc thái tình cảm (không có ý tốt cũng không có ý xấu).
- Quan hệ từ *tại* mang sắc thái áp đặt, quy lỗi nhiều hơn.
- Quan hệ từ *nhờ* thường dùng đối với những nguyên nhân tốt.

b) Cũng vậy, cùng chỉ quan hệ điều kiện, nhưng các quan hệ từ *nếu, hễ, giá (như)* cũng có những sắc thái khác nhau :

- Từ *nếu* có tính chất chung hơn, nghĩa của nó có thể bao hàm được nghĩa của hai từ kia.

Ngoài ra, từ *nếu* còn có ý nghĩa "đối chiếu". Ví dụ :

*Nếu quê anh có nhiều dừa thì quê tôi có nhiều mía.*

– Từ *hễ* thường dùng hơn trong trường hợp một điều kiện được lặp lại thường xuyên, hoặc diễn ra nhiều lần. Ví dụ :

*Hễ trời mưa to thì đường này ngập nước.*

– Từ *giá (như)* mang thêm ý nghĩa "giả định", tức là điều kiện do nó chỉ ra là không có trên thực tế. Ví dụ :

*Giá tôi là anh nó thì tôi đã bảo nó từ lâu rồi.*

c) Cùng chỉ quan hệ nguyên nhân, việc dùng quan hệ từ *và* thay cho một quan hệ từ chỉ nguyên nhân nào đó, trong nhiều trường hợp, sẽ tạo ra được tính chất khách quan, tính chất tất yếu.

Những nhận xét trên là những nhận xét về tính chất "thường dùng" của các từ đang xét, và chúng còn liên quan đến nội dung các từ ngữ cụ thể khác được dùng trong câu, chứ không phải bao giờ cũng chắc chắn là như vậy.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC (tiết 1, 2)

Bài này gồm ba tiết học. Tiết 1 và 2 dành cho việc tìm hiểu những đặc điểm của câu ghép và cách nối các vế câu ghép, cụ thể là :

– Câu ghép là câu có hai cụm chủ – vị không bao chứa nhau (hay nằm ngoài nhau).

– Các cách nối hai vế câu trong câu ghép :

- Nói bằng từ có tác dụng nối 

{	<ul style="list-style-type: none"><li>– Nói bằng một quan hệ từ.</li><li>– Nói bằng cặp quan hệ từ.</li><li>– Nói bằng từ hô ứng (cặp phó từ, chỉ từ hay đại từ).</li></ul>
---	---

• Không dùng từ nối (giữa các vế câu thường dùng dấu phẩy hoặc dấu hai chấm).

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu đặc điểm của câu ghép.

Cho HS thực hiện mục I trong SGK với yêu cầu :

– Phân biệt câu có một cụm C – V, câu có nhiều cụm C – V không bao nhau, câu có nhiều cụm C – V bao nhau (cụm nhỏ nằm trong cụm lớn).

Yêu cầu này được thực hiện bằng ba câu hỏi đầu. Hướng trả lời :

+ Câu có một cụm C – V :

"*Buổi mai hôm ấy ... dài và hẹp.*"

+ Câu có nhiều cụm C – V không bao chứa nhau :

"*Cảnh vật chung quanh tôi ... hôm nay tôi đi học.*"

(Câu này có ba cụm C – V. Cụm C – V cuối cùng giải thích nghĩa cho cụm C – V thứ hai.)

+ Câu có cụm C – V nhỏ nằm trong cụm C – V lớn : "*Tôi quên thế nào được... bầu trời quang đãng.*" (Câu này có hai cụm C – V nhỏ làm phụ ngữ cho động từ *quên* và động từ *nảy nở*).

– Nhận biết câu ghép là câu có hai hoặc nhiều cụm C – V không bao chứa nhau.

Yêu cầu này được thực hiện bằng câu hỏi 4 (HS dựa theo bảng kết quả phân tích ba câu hỏi trên để trả lời).

Sau đó GV cho HS đọc vài lần phần *Ghi nhớ*.

**Hoạt động 2.** Tìm hiểu cách nối các vế của câu ghép.

Cho HS thực hiện mục II trong SGK với yêu cầu nắm được hai cách ghép các vế câu ghép :

– Có dùng những từ có tác dụng nối : quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng.

– Không dùng từ nối.

Thực hiện các yêu cầu 1, 2, 3.

*Yêu cầu 1* : Còn có các câu (1) và (3) là câu ghép. Câu (4) là câu đơn có cụm C – V nằm trong thành phần trạng ngữ.

*Yêu cầu 2* : Hướng trả lời : Các vế trong câu (3) và câu (6) nối với nhau bằng quan hệ từ (*vi, nhưng*). Vế (1) và vế (2) trong câu (7) nối với nhau bằng quan hệ từ (*vi*). Các vế trong câu (1), vế (2) và vế (3) trong câu (7) không dùng từ nối.

*Yêu cầu 3* : GV gợi dẫn HS nhớ lại kiến thức đã học ở Tiểu học về cách nối các vế câu để HS nêu ví dụ. Cũng có thể dựa vào các bài tập 2, 4 bên dưới để nêu ví dụ về câu ghép có cặp quan hệ từ, cặp từ hô ứng.

Tiếp theo, GV cho vài HS đọc phần *Ghi nhớ* vài lần.

**Hoạt động 3.** Hướng dẫn làm bài tập.

#### IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

**1. Bài tập 1.** Có mục đích là nhận biết câu ghép và hai cách ghép có dùng từ nối và không dùng từ nối các vế câu. GV hướng dẫn HS tự làm.

**2.** Các bài tập 2, 3, 4, 5 đều là những bài tập sáng tạo. GV hướng dẫn HS thực hiện.

## V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.

– Lê Cận – Phan Thiều – Diệp Quang Ban – Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1983.